

Nhiều Lộc, ngày 26 tháng 9 năm 2025

CHI TIẾT CÁC KHOẢN THU TRONG NĂM HỌC 2025-2026 (DỰ KIẾN)

1. HỌC PHÍ: Thực hiện Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội, các cơ sở giáo dục tạm thời không triển khai thu học phí năm học 2025-2026 đối với trẻ mầm non và học sinh phổ thông

2. CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU, CƠ CHẾ QL THU CHI ĐỐI VỚI CÁC DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CÔNG VĂN 1888/SGDDT-KHTC NGÀY 29/8/2025 CỦA SỞ GIÁO DỤC (gồm: 24 mục):

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Cấp học	Mức thu NQ18/2025	Mức thu NH 24-25	Dự kiến Mức thu NH 25-26	Ghi chú
1. Các khoản thu theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của HĐND TP (gồm: 8 mục)							
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đ/hs/tháng	Mầm non,	550,000	515,000	550,000	Tăng 6,8%
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	đ/hs/tháng	Mầm non	220,000	190,000	215,000	Tăng 13,16%
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	đ/hs/giờ	Mầm non	12,000	-	-	Không thu
4	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ tết, không bao gồm tiền ăn)	đ/hs/ngày	Mầm non	128,000	92,000	105,000	Tăng 14,13%
5	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đ/hs/năm	Mầm non,	70,000	35,000	39,800	Tăng 13,71%
6	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)						
6.1	Đối với lớp đã được trang bị sẵn máy lạnh	đ/hs/tháng	Mầm non,	50,000	30,000	34,000	Tăng 13,3%
6.2	Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê	đ/hs/tháng	Mầm non,	110,000	-	-	Không thu
7	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	đ/hs/tháng	Mầm non,	110,000	không thu	37,000	Triển khai 2025-2026
8	Dịch vụ đưa rước trẻ, học sinh bằng xe ô tô						
8.1	Tuyến đường dưới 5 km	đ/hs/km	Mầm non,	10,000	-	-	Không thu
8.2	Tuyến đường từ 5 km trở lên	đ/hs/km	Mầm non,	8,000	-	-	Không thu
2. Các khoản thu tổ chức Chương trình nhà trường (gồm: 10 mục)							
1	Tổ chức dạy tin học		Tiểu học				Không thu
1.1	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	đ/hs/tháng	Tiểu học				Không thu



1.2	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030"	đ/hs/tháng	Tiểu học,					Không thu
2	Tổ chức dạy ngoại ngữ							
2.1	Tiền tổ chức dạy tăng cường ngoại ngữ	đ/hs/tháng	Tiểu học, THCS, THPT					Không thu
2.2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đ/hs/tháng	Mầm non,		200,000	230,000		Tăng 15%
2.3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	đ/hs/tháng	Mầm non,		Không thu	90,000		Triển khai 2025-2026
2.4	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	đ/hs/tháng	Tiểu học, THCS					Không thu
2.5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"	đ/hs/tháng	Tiểu học, THCS, THPT					Không thu
2.6	Tiền tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra các chứng chỉ quốc tế	đ/hs/tháng	Tiểu học, THCS, THPT					Không thu
3	Tiền tổ chức các hoạt động giáo dục khảo sát làm quen Tiếng Anh cho trẻ Mẫu giáo	đ/hs/tháng	Mầm non					Không thu
4	Tổ chức hoạt động giáo dục công dân số	đ/hs/tháng						
4.1	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục công dân số	đ/hs/tháng	Tiểu học, THCS, THPT					Không thu
4.2	Tiền tổ chức hoạt động Giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ứng dụng các giải pháp lớp học số với trí tuệ nhân tạo (AI)	đ/hs/tháng	Tiểu học, THCS, THPT					Không thu
5	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi	đ/hs/tháng/môn	Mầm non,		80,000-90,000	90,000-100,000		Tăng 12,5%
6	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	đ/hs/tháng	Mầm non,		100,000	100,000-115,000		Tăng 15% (theo nội dung và độ tuổi)
7	Tổ chức Giáo dục STEM							
7.1	Tiền tổ chức Giáo dục STEM	đ/hs/tháng	Mầm non,		100,000	100,000		Không tăng
7.2	Tiền tổ chức Giáo dục STEM song ngữ (Anh-Việt)	đ/hs/tháng	Tiểu học, THCS, THPT					Không thu
8	Tiền tổ chức nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế	đ/hs/tháng	Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT					Không thu
9	Tiền thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư	đ/hs/tháng	Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT					Không thu
10	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	đ/hs/tháng	Mầm non		90,000-110,000	110,000		Thống nhất mức thu
3. Các khoản thu tổ chức dịch vụ khác cho cá nhân học sinh (gồm: 5 mục)								
11	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đ/hs/năm	Mầm non,		400,000	450,000		Tăng 14,29%

12	Tiền mua sắm đồ phục học sinh	d/hs/bộ	Mầm non,		100,000	100,000	Không tăng
13	Học phẩm - Học cụ - Học liệu						
13.1	Học phẩm	d/hs/năm	Mầm non,		50,000	50,000	Không tăng
13.2	Học cụ - Học liệu	d/hs/năm	Mầm non,		300,000	300,000-345,000	Nhà trẻ 300,000 (không tăng); Mẫu giáo 345,000 tăng 15%
14	Suất ăn - Nước uống						
14.1	Tiền suất ăn bán trú	d/hs/ngày	Mầm non,		35,000	39,000	Tăng 11,43%
14.2	Tiền suất ăn sáng	d/hs/ngày	Mầm non,		14,000	16,000	Tăng 14,29%
14.3	Tiền nước uống	d/hs/tháng	Mầm non,		20,000	20,000	Không tăng
15	Tiền trông giữ xe học sinh	d/xe/lượt	Mầm non,				Không thu

* Mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác dự kiến thực hiện trong năm học 2025-2026 đã được tổ chức lấy ý kiến tất cả cha mẹ học sinh nhà trường 143/143 CMHS, tỷ lệ đạt 100%

* Nội dung thu, chi được thực hiện trên cơ sở dự toán thu - chi cho từng nội dung thu, đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ năm học 2025-2026 của nhà trường đúng quy định.

**TM. BAN ĐẠI DIỆN CMHS
TRƯỞNG BAN**

SEN

Phạm Thị Sen



Lương Trọng Bình

